

Số: 2175/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn với những nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch có tổng diện tích khoảng 16.872 ha, là toàn bộ diện tích 03 xã thuộc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (gồm: xã Lương Bằng có diện tích 5.750 ha, xã Nghĩa Tá có diện tích 3.994 ha, xã Bình Trung có diện tích 7.128ha) và các khu vực cảnh quan xung quanh, cộng đồng dân cư gắn với di tích.



b) Quy mô lập quy hoạch có tổng diện tích là 135 ha, bao gồm:

- Toàn bộ diện tích 19 ha Khu vực bảo vệ I và Khu vực bảo vệ II của các điểm di tích thuộc Di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Chợ Đồn (Quyết định số 2499/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Diện tích khu vực dự kiến mở rộng với tổng diện tích là 116 ha, bao gồm: diện tích mở rộng khu vực bảo vệ di tích; diện tích khu vực cảnh quan thiên nhiên, bản làng của đồng bào dân tộc là những bộ phận gắn liền với căn cứ cách mạng cần được bảo tồn; diện tích giao thông, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ; các khu chức năng phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

c) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch được chia thành 17 khu vực, cụ thể:

- Tại xã Lương Bằng:

+ Di tích Nhà Pậu (thôn Bản Thít), nơi ở và làm việc của Bác Hồ trong các năm 1950 -1951

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 25,0 ha, gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 3,78 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 21,22 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất và đất ở hiện trạng ven đường tỉnh lộ 254, phía Nam giáp xã Nghĩa Tá, phía Đông giáp suối Bản Vèn, phía Tây giáp đất rừng sản xuất và suối Bản Vèn.

+ Di tích lịch sử Đồi Khau Mạ (thôn Bản Vèn), nơi ở, làm việc của đồng chí Phạm Văn Đồng và Văn phòng Chính phủ các năm 1950 - 1951

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 2,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 0,3 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 1,7 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp bưu điện và trạm y tế thôn; phía Nam giáp đất ở hiện có, đất rừng sản xuất của thôn Bản Vèn, phía Đông giáp khu dân cư hiện có thôn Bản Vèn, Phía Tây giáp khu dân cư hiện có và khu đất nông nghiệp thôn Bản Vèn.

- Tại xã Nghĩa Tá:

+ Di tích Khuổi Linh (thôn Nà Đeng), nơi ở, làm việc của đồng chí Trường Chinh và Văn phòng Trung ương Đảng các năm 1950 - 1951

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 10,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 1,55 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 8,45 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất và đất nông nghiệp, phía Nam giáp đất rừng tự nhiên, phía Đông giáp đất rừng tự nhiên, khu dân cư hiện có và đường tỉnh lộ 254, phía Tây giáp đất nông nghiệp.

+ Cụm di tích Pù Cọ (thôn Bản Bả), bao gồm: Di tích Đồi Pù Cọ, di tích Lán đồng chí Võ Nguyên Giáp, Nhà ông Triệu Phú Dương và di tích Lsao Lsô Đố (Khe Nứa)

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 25,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của 04 di tích là 0,71 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 24,29 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp đường xã và đất nông nghiệp, phía Nam và Phía Đông giáp rừng sản xuất, phía Tây giáp rừng sản xuất và cánh đồng Khuổi Dạ.

+ Di tích Khuổi Khít (thôn Nà Cà), nơi tổ chức triển lãm biểu dương lực lượng Đồng Minh thời kỳ trước năm 1945

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 6,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 0,69 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 5,31 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp rừng sản xuất, phía Nam giáp rừng sản xuất và đường liên thôn, phía Đông Giáp đường liên thôn, phía Tây giáp suối Nặm Làm và Hồ Nghĩa Tá.

+ Di tích Khuổi Đăm (thôn Nà Khăn), nơi ở và làm việc của Báo Sự thật từ năm 1948 đến năm 1953

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 10,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 3,59 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 6,41 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp khu đất rừng sản xuất của thôn Nà Khăn, phía Nam, phía Đông, phía Tây giáp rừng sản xuất và đất nông nghiệp.

+ Di tích Khuổi Đó (thôn Nà Tông), nơi ở và làm việc của cơ quan cơ khí Thăng Long từ năm 1948 đến năm 1950

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 5,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 2,24 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 2,76 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp rừng sản xuất khu vực trồng cây lâu năm của thôn Kéo Tôm, phía Nam giáp suối Nà Phẳng và núi Nà Phẳng, phía Đông giáp đất nông nghiệp và đất rừng sản xuất, phía Tây giáp suối Khuổi Đó và rừng sản xuất.

+ Di tích Nà Chang (thôn Nà Chang), nơi đặt khu Giao tế (Nhà khách Chính phủ) trong các năm 1948 - 1953

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 2,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 0,2 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 1,8 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc và phía Đông giáp khu dân cư, bản làng hiện có và đất nông nghiệp của thôn Nà Chang, phía Nam giáp khu dân cư, bản làng hiện có của thôn Nà Chang và đường liên xã, phía Tây giáp đường tỉnh lộ 254 và đất rừng sản xuất.

+ Các di tích trên địa bàn thôn Nà Kiến, bao gồm: Di tích Nà Pay (nơi Bác Hồ dừng chân nghỉ trên đường từ Pác Bó, Cao Bằng đến Tân Trào, Tuyên Quang trong các ngày 17, 18 và 19 tháng 5 năm 1945) và Di tích Nà Kiến (nơi tổ chức Lễ bế giảng Khóa 2, Khóa 3 Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn vào ngày 28 tháng 10 năm 1947)

Quy mô lập quy hoạch diện tích khoảng 10,0 ha, bao gồm: Tổng diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của 02 điểm di tích là 1,96 ha (trong đó, di tích Nà Pay 0,37 ha và di tích Nà Kiến 1,59 ha) và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 8,04 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp đường trục thôn, khu đất trồng lúa của thôn Nà Kiến, phía Nam và phía Đông giáp khu rừng sản xuất của thôn Nà Kiến, phía Tây giáp khu đất nông nghiệp và đất ở hiện trạng.

- Tại xã Bình Trung:

+ Cụm di tích Bản Ca (thôn Bản Ca), bao gồm: Nơi ở và làm việc của Bác Hồ tháng 12 năm 1947; Nền lán nơi ở của Bác Hồ; Tảng đá có khắc chữ, nơi Bác Hồ thường tắm giặt và Đền thờ gắn với lễ hội của dân tộc Dao

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 10,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của 04 điểm di tích là 0,3 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 9,7 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp rừng sản xuất và đường liên xã, phía Nam giáp với khu dân cư hiện có và đất đồi rừng sản xuất, phía Đông giáp rừng sản xuất, phía Tây giáp đất nông nghiệp và đất rừng sản xuất.

+ Cụm di tích Đồi Bản Tảng, bao gồm: Đồi Bản Tảng, nơi ở và làm việc của đồng chí Hoàng Văn Thái trong các năm 1947 - 1954 (thôn Nà Quân); Nhà ông Ma Văn Chương, nơi ở và làm việc của đồng chí Nguyễn Chí Thanh trong các năm 1948 - 1952 và Nhà ông Trần Văn Lý, nơi ở và làm việc của cơ quan Bộ Quốc phòng trong các năm 1950 - 1953 (thôn Nà Phầy)

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 5,0 ha, bao gồm: Tổng diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của 03 điểm di tích là 0,48 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 4,52 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất, phía Nam giáp thôn Bản Đięng, phía Đông Giáp khu đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất ở hiện trạng và đất rừng sản xuất, phía Tây giáp khu đất ở hiện trạng và đất nông nghiệp.

+ Di tích Khuổi Dân (thôn Vàng Quân), nơi Nhà máy giấy Minh Khai đặt cơ sở sản xuất giấy trong các năm 1948 - 1952

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 3,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 0,87 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 2,13 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp với suối Khuổi Cha, đất nông nghiệp và khu rừng sản xuất; phía Nam, phía Đông và phía Tây giáp đất rừng sản xuất.

+ Cụm di tích trên địa bàn thôn Nà Quân, bao gồm: Di tích Khuổi Tỏi (nơi ở và làm việc của Bác Hồ năm 1948); di tích Nà Săm (nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Nguyên Giáp trong các năm 1948 - 1953) và di tích Nà Quân (nơi đặt Hội trường Trung ương Đảng trong các năm 1948 - 1952)

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 15,0 ha, bao gồm: Tổng diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của 03 điểm di tích là 0,86 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 14,14 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc, phía Nam và phía Đông giáp khu đất nông nghiệp và rừng sản xuất, phía Tây giáp rừng tự nhiên và khu đất trồng cây lâu năm.

+ Di tích Nền lán Chuyên gia (thôn Nà Quân), nơi ở và làm việc của chuyên gia trong các năm 1947 - 1954

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 1,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 0,2 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 0,8 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp đường trục thôn và khu đất rừng, phía Nam giáp trục đường liên thôn, khu đất nông nghiệp và trồng cây lâu năm, phía Đông giáp khu đất rừng, phía Tây giáp khu đất nông nghiệp.

+ Di tích Khuổi Chang (thôn Bản Pèò), nơi ở và làm việc của Bác Hồ từ ngày 12 tháng 5 năm 1949 đến ngày 01 tháng 6 năm 1949

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 2,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 0,42 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 1,58 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc và phía Nam giáp khu đất rừng tự nhiên, phía Đông giáp khu đất rừng tự nhiên và suối Khuổi Chang, phía Tây giáp đất rừng tự nhiên và sông Phó Đáy.

+ Di tích Khuổi Áng (thôn Khuổi Áng), nơi ở và làm việc của cơ quan Báo Cứu Quốc năm 1949

Quy mô lập quy hoạch có diện tích là 2,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 0,35 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 1,65 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp khu đất nông nghiệp thôn Khuổi Áng, phía Nam giáp với đường trục thôn và khu đất nông nghiệp, phía Đông và phía Tây giáp khu đất nông nghiệp.

+ Di tích lịch sử Nà Đon (thôn Đon Liên), nơi ở và làm việc của cơ quan Hậu cần Bộ Quốc phòng trong các năm 1948 - 1951

Quy mô lập quy hoạch có diện tích khoảng 2,0 ha, bao gồm: Diện tích khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) của di tích là 0,48 ha và phần diện tích dự kiến mở rộng, bổ sung vào khu vực bảo vệ, phát huy giá trị di tích là 1,52 ha.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc và phía Nam giáp khu đất nông nghiệp thôn Đon Liên, phía Đông giáp khu dân cư hiện có và đường tỉnh lộ 254, phía Tây giáp với khu dân cư hiện có, đất rừng sản xuất và đường tỉnh lộ 254.

2. Đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch

a) Giá trị lịch sử, văn hóa của toàn bộ các di tích thành phần thuộc Di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Chợ Đồn.

b) Các giá trị văn hóa phi vật thể: Lễ hội truyền thống, tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thuyết, dân ca...; cộng đồng các dân tộc, di sản văn hóa phi vật thể, cảnh quan, thiên nhiên trong khu vực lập quy hoạch.

c) Các yếu tố về môi trường, xã hội, hạ tầng của khu vực lập quy hoạch; các thể chế và chính sách có liên quan khác.

d) Công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tích; các chương trình, đề án, quy hoạch, dự án có tác động tới quy hoạch.

đ) Mối liên hệ với các di tích, công trình, địa điểm du lịch nổi tiếng khác trong khu vực để có thể kết nối các tuyến du lịch.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

a) Cụ thể hóa các định hướng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích thành phần, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu các mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn (Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Bảo tồn và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Chợ Đồn thông qua các cụm di tích, di tích hiện còn nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ người Việt Nam, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo tồn di sản văn hóa truyền thống.

c) Làm cơ sở cho việc khai thác các di tích lịch sử - văn hóa, điểm tham quan, danh lam thắng cảnh của khu vực trở thành điểm hành hương về nguồn, nơi tìm hiểu, tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân ta; điểm tham quan văn hóa - lịch sử hấp dẫn của tỉnh Bắc Kạn và vùng Việt Bắc, gắn với phát triển du lịch bền vững, góp phần nâng cao đời sống của người dân trong khu vực.

d) Xác định ranh giới, khoanh vùng bảo vệ di tích; chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất cho khu vực di tích, khu vực dân cư và khu vực bảo vệ môi trường. Quy hoạch tổ chức không gian, bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn bảo tồn, phát huy giá trị di tích.

đ) Định hướng kế hoạch, lộ trình và các nhóm giải pháp tổng thể quản lý, đầu tư xây dựng, bảo quản, tu bổ và phát huy giá trị di tích, các khu vực phụ cận phù hợp với quy hoạch được duyệt.

e) Làm căn cứ pháp lý để quản lý và bảo vệ di tích; lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các dự án thành phần bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; xây dựng các quy định để quản lý, kiểm soát không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan di tích và các khu vực liền kề di tích, phù hợp với quy hoạch được duyệt và quy hoạch khác có liên quan.

4. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch

a) Yêu cầu nghiên cứu khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích

- Nghiên cứu, khảo sát di tích:

+ Khảo sát, điều tra, sưu tầm tài liệu, tổng hợp dữ liệu, số liệu về di tích; chụp ảnh, vẽ ghi, phân tích đánh giá kiến trúc của các công trình; khảo sát đo đạc địa hình tỷ lệ 1/2000 (phạm vi quy hoạch) và tỷ lệ 1/500 (khu vực bảo vệ di tích, các khu vực ảnh hưởng trực tiếp tới cảnh quan di tích và các khu vực dự kiến bố trí các chức năng phát huy giá trị di tích);

+ Khảo sát, đánh giá tình trạng kỹ thuật của các công trình tại di tích;

+ Đánh giá hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích; tình hình đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; tác động của các chương trình, quy hoạch, dự án tới công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích và tới cộng đồng gắn với di tích;

+ Đánh giá vai trò của di tích trong mỗi liên hệ vùng.

- Nghiên cứu, khảo sát khu vực nghiên cứu lập quy hoạch:

+ Khảo sát, đánh giá hạ tầng kinh tế, xã hội, dân cư và phát triển đô thị, môi trường của khu vực; nhận diện những vấn đề giữa phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo tồn, phát huy giá trị di tích;

+ Khảo sát, đánh giá cảnh quan thiên nhiên, rừng và hệ sinh thái động, thực vật; cộng đồng các dân tộc, các giá trị di sản văn hóa và đời sống văn hóa của đồng bào tại địa phương;

+ Khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, vị trí, ranh giới dự kiến cần chuyển mục đích sử dụng đất để tu bổ, phục hồi di tích, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu vực quy hoạch; hiện trạng kiến trúc, xây dựng đối với các công trình trong khu vực nghiên cứu; hiện trạng đất rừng, loại rừng.

- Rà soát chủ trương, chính sách, các quy hoạch, dự án đang triển khai có tác động đến việc thực hiện quy hoạch; các nội dung kế thừa, điều chỉnh các quy hoạch đã và đang thực hiện trong phạm vi quy hoạch.

- Đánh giá phát triển du lịch toàn khu vực, hiệu quả hoạt động du lịch và các hoạt động văn hóa khác tại di tích; xác định tiềm năng phát triển du lịch của địa phương và của di tích.

b) Xác định đặc trưng, nhận diện yếu tố cấu thành, cấu trúc không gian cảnh quan và các giá trị tiêu biểu khác của di tích; những hạn chế, khó khăn và các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di tích.

c) Xác định quan điểm, mục tiêu dài hạn, ngắn hạn của quy hoạch.

d) Xác định chỉ tiêu thống kê làm cơ sở dự báo phát triển các chỉ tiêu kinh tế - xã hội khu vực quy hoạch trong quá trình quản lý di tích, gồm: Tăng trưởng kinh tế xã hội, phát triển đô thị, phát triển du lịch, tác động môi trường, các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật.

đ) Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và xây dựng công trình mới

- Xác định phạm vi, ranh giới của di tích trên cơ sở diện tích đất hiện có và nhu cầu bảo tồn, phát huy giá trị di tích. Xác định ranh giới khu vực bảo vệ I và II của di tích; kiến nghị về việc điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp các khu vực bảo vệ di tích (Khu vực bảo vệ I và II) và khu vực đệm (nếu có) phù hợp

với thực tế quản lý và phát huy giá trị di tích; xác định khu vực bảo vệ cảnh quan, khu vực quản lý xây dựng đối với từng di tích. Định hướng giải phóng mặt bằng, giải tỏa lấn chiếm và phương án tái định cư .

- Quy hoạch phân vùng chức năng các khu vực: bảo vệ di tích, bảo vệ cảnh quan, khu vực dân cư, khu vực phát huy giá trị di tích và phát triển dịch vụ du lịch (bao gồm cả các khu vực cần kiểm soát về độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng); đề xuất giải pháp kết nối không gian giữa các khu chức năng.

Định hướng quy hoạch phân vùng chức năng các khu vực bảo vệ di tích, tổ chức không gian được nghiên cứu trên tỷ lệ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 các khu lập quy hoạch; trên tỷ lệ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 khu vực bảo vệ di tích, các khu vực ảnh hưởng trực tiếp tới cảnh quan di tích và các khu vực dự kiến bố trí các chức năng phát huy giá trị di tích.

- Định hướng về bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích:

+ Nghiên cứu đề xuất định hướng và các nhóm giải pháp cụ thể bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích: Lập danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng hạng mục; xác định nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; biện pháp quản lý và bảo vệ đối với di vật, cổ vật tại di tích;

+ Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu, số liệu liên quan đến 25 điểm di tích thành phần (bao gồm cả dữ liệu số hóa), tạo cơ sở khoa học để bảo tồn, quản lý và phát huy giá trị di tích.

- Định hướng quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật:

+ Quy hoạch tổ chức không gian, cảnh quan phù hợp với di tích;

+ Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật về: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông (động và tĩnh), cấp điện, cấp nước sạch, thoát nước và vệ sinh môi trường; đề xuất các giải pháp nâng cấp hạ tầng cơ sở khác tại khu di tích.

- Xác định tiềm năng, thế mạnh của di tích để đầu tư phát triển du lịch. Định hướng khai thác, phát huy giá trị di tích gắn với giáo dục di sản và phát triển du lịch bền vững, thu hút sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ di tích và phát triển du lịch...; đề xuất giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ trong phát huy giá trị di tích và giá trị di sản văn hóa phi vật thể tại di tích.

e) Dự báo tác động môi trường và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch. Đánh giá và xác định các nguy cơ thiên tai trên địa bàn, đề xuất các giải pháp quy hoạch đảm bảo giảm thiểu, không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

g) Kế hoạch thực hiện quy hoạch

- Thời kỳ và tầm nhìn của quy hoạch: Thời kỳ quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định yêu cầu, tiêu chí lựa chọn danh mục các dự án đầu tư, danh mục các nhóm dự án thành phần, bao gồm: Nhóm dự án giải phóng mặt bằng và cấm mốc giới bảo vệ di tích; nhóm dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; nhóm dự án xây dựng các công trình phụ trợ, dịch vụ và công trình hạ tầng kỹ thuật; nhóm dự án nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với di tích; nhóm dự án phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững. Phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên và nguồn vốn đầu tư phù hợp với từng thời kỳ quy hoạch.

- Xác định danh mục dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, dự án sử dụng các nguồn huy động hợp pháp khác bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và ngân sách trung ương cho từng giai đoạn. Làm rõ cơ sở đề xuất vốn ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch.

- Đề xuất cơ chế, chính sách quản lý quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch, quy chế quản lý xây dựng các công trình trong khu vực quy hoạch, bao gồm: Giải pháp về quản lý; giải pháp về huy động nguồn lực bảo vệ di tích; giải pháp tuyên truyền, huy động sự tham gia của cộng đồng; giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý và bảo vệ di tích và các giải pháp khác.

5. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch

a) Hình thức, quy cách thể hiện bản đồ, bản vẽ, thành phần hồ sơ sản phẩm quy hoạch bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan. Cụ thể:

- Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch; Tờ trình phê duyệt quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- Hệ thống bản đồ, bản vẽ, bao gồm:

+ Bản đồ vị trí di tích và mối liên hệ với di tích khác trong khu vực nghiên cứu quy hoạch, tỷ lệ 1/5.000 - 1/15.000;

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và bản đồ quy hoạch xây dựng khu vực đã được phê duyệt, tỷ lệ 1/2000;

+ Bản đồ xác định khu vực bảo vệ và cấm mốc giới di tích; khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích, tỷ lệ 1/2000;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng; phương án quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích, tỷ lệ 1/2000;

+ Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, xây dựng công trình mới, tỷ lệ 1/2000;

+ Các bản đồ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000;

Đối với các khu vực bảo vệ di tích, các khu vực ảnh hưởng trực tiếp tới cảnh quan di tích và các khu vực dự kiến bố trí các chức năng phát huy giá trị di tích, xây dựng bản đồ tỷ lệ 1/500.

+ Bản đồ đánh giá tiềm năng du lịch toàn huyện, bản đồ định hướng các khu, tuyến, điểm du lịch toàn huyện;

+ Các bản vẽ phối cảnh minh họa không gian quy hoạch di tích (nếu có).

- Bản chụp các văn bản liên quan kèm theo, gồm: Ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan và cộng đồng tại khu vực lập quy hoạch; Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch; văn bản thẩm định đồ án Quy hoạch di tích và các văn bản khác có liên quan.

- Hồ sơ lưu trữ quy hoạch theo quy định của pháp luật về lưu trữ (bao gồm cả định dạng tài liệu điện tử đối với các thành phần hồ sơ nêu trên).

b) Tổ chức thực hiện

- Tiến độ: Thời gian lập quy hoạch không quá 24 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch được phê duyệt.

- Trách nhiệm:

+ Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;

+ Cơ quan chủ trì thẩm định và trình duyệt: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

+ Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn;

+ Cơ quan chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn;

+ Đơn vị tư vấn: Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch và các chi phí khác có liên quan đến công tác lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt đồ án Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Kạn;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, CN, NN, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (03). 12



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Vũ Đức Đam